

ÔN TẬP HÈ TOÁN LỚP 1 LÊN LỚP 2

40 bài tổng hợp số học, cộng trừ, đo lường, thời gian, hình học và toán có lời văn

ToanCap1.com - Toán tiểu học

Tài liệu dùng để ôn lại kiến thức lớp 1 trước khi vào lớp 2. Học sinh nên làm từng phần, tự trình bày phép tính rồi mới xem đáp án cuối file.

Phần 1. Số đến 100

Câu 1. Viết các số từ 46 đến 52 theo thứ tự tăng dần.

Đáp số:

Câu 2. Số 73 gồm mấy chục và mấy đơn vị?

Đáp số:

Câu 3. Viết số liền trước và số liền sau của 40.

Đáp số:

Câu 4. Điền dấu >, < hoặc =: 58 ___ 85.

Đáp số:

Câu 5. Điền dấu >, < hoặc =: 67 ___ 67.

Đáp số:

Câu 6. Sắp xếp 35, 19, 42, 28 từ bé đến lớn.

Đáp số:

Câu 7. Số nào lớn nhất trong các số 54, 45, 50, 59?

Đáp số:

Câu 8. Điền số còn thiếu: 21, 22, __, 24, __, 26.

Đáp số:

Câu 9. Viết số gồm 6 chục và 4 đơn vị.

Đáp số:

Câu 10. Phân tích số 82 thành chục và đơn vị.

Đáp số:

Phần 2. Cộng, trừ và tìm số chưa biết

Câu 11. Tính: $8 + 7$.

Đáp số:

Câu 12. Tính: $16 - 9$.

Đáp số:

Câu 13. Tính: $24 + 5$.

Đáp số:

Câu 14. Tính: $46 - 4$.

Đáp số:

Câu 15. Đặt tính rồi tính: $23 + 45$.

Đáp số:

Câu 16. Đặt tính rồi tính: $78 - 36$.

Đáp số:

Câu 17. Tính: $30 + 20 + 5$.

Đáp số:

Câu 18. Tính: $90 - 40 - 20$.

Đáp số:

Câu 19. Điền số: $12 + \underline{\quad} = 20$.

Đáp số:

Câu 20. Điền số: $\underline{\quad} - 15 = 24$.

Đáp số:

Phần 3. Đo lường, thời gian và hình học

Câu 21. Một đoạn dây dài 18 cm, cắt bớt 5 cm. Còn lại bao nhiêu xăng-ti-mét?

Đáp số:

Câu 22. Một chiếc thước dài 2 dm. Đổi ra xăng-ti-mét.

Đáp số:

Câu 23. Đồng hồ có kim phút ở số 12 và kim giờ ở số 8. Đồng hồ chỉ mấy giờ?

Đáp số:

Câu 24. Nếu hôm nay là Thứ Hai thì ngày kia là thứ mấy?

Đáp số:

Câu 25. Hình vuông có mấy cạnh?

Đáp số:

Câu 26. Hình tam giác có mấy cạnh?

Đáp số:

Câu 27. Kể tên hai hình phẳng có bốn cạnh đã học.

Đáp số:

Câu 28. Một hộp bút dài 15 cm, quyển vở dài 20 cm. Vật nào dài hơn và hơn bao nhiêu xăng-ti-mét?

Đáp số:

Phần 4. Bài toán có lời văn và vận dụng

Câu 29. Lan có 12 bông hoa, được tặng thêm 7 bông. Lan có tất cả bao nhiêu bông hoa?

Đáp số:

Câu 30. Trong giỏ có 25 quả cam, lấy ra 8 quả. Còn lại bao nhiêu quả cam?

Đáp số:

Câu 31. Nam có 16 viên bi, Bình có nhiều hơn Nam 4 viên. Bình có bao nhiêu viên bi?

Đáp số:

Câu 32. Mai có 23 nhãn vở, Lan có ít hơn Mai 5 nhãn. Lan có bao nhiêu nhãn vở?

Đáp số:

Câu 33. Một lớp có 18 bạn nữ và 16 bạn nam. Lớp có tất cả bao nhiêu bạn?

Đáp số:

Câu 34. Có 30 quyển sách, đã cho mượn 12 quyển. Còn lại bao nhiêu quyển?

Đáp số:

Câu 35. Mẹ mua 20 quả trứng, buổi sáng dùng 6 quả, buổi chiều dùng 4 quả. Còn lại bao nhiêu quả?

Đáp số:

Câu 36. Trên xe có 15 người, thêm 8 người lên xe rồi 5 người xuống xe. Trên xe còn bao nhiêu người?

Đáp số:

Câu 37. Điền số thích hợp: $34 < \underline{\hspace{1cm}} < 37$. Hãy nêu một số.

Đáp số:

Câu 38. Tìm số biết số đó cộng 6 thì bằng 20.

Đáp số:

Câu 39. Tìm số biết 25 trừ số đó thì bằng 9.

Đáp số:

Câu 40. Một đoạn đường dài 50 m, đã đi 30 m. Còn lại bao nhiêu mét?

Đáp số:

Đáp án

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	46, 47, 48, 49, 50, 51, 52	21	13 cm
2	7 chục 3 đơn vị	22	20 cm
3	39 và 41	23	8 giờ
4	<	24	Thứ Tư
5	=	25	4 cạnh
6	19, 28, 35, 42	26	3 cạnh
7	59	27	Hình vuông và hình chữ nhật
8	23, 25	28	Quyển vở, hơn 5 cm
9	64	29	19 bông hoa
10	80 + 2	30	17 quả cam
11	15	31	20 viên bi
12	7	32	18 nhãn vở
13	29	33	34 bạn
14	42	34	18 quyển
15	68	35	10 quả
16	42	36	18 người
17	55	37	35 hoặc 36
18	30	38	14
19	8	39	16
20	39	40	20 m